

Bản án số: 116/2022/HS-PT

Ngày: 21 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài

Ông Trần Khánh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 82/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2022, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc S đối với bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HSST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Ngọc S; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11 tháng 01 năm 1997; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Tổ dân phố TT, phường ĐT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Nguyễn Ngọc N và bà Võ Thị H; có vợ là Đinh Thị Ngọc Á, sinh năm 1997; Có 02 con; Lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2021 đến ngày 09/12/2021, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này còn có bị cáo Trần Anh T và 05 bị cáo khác, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng nghị, vắng mặt do Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Anh T làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Srtech, có địa chỉ tại phường BQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, từ tháng 4 năm 2017 đến cuối năm 2021, T được Công ty giao làm trưởng ca của bộ phận kiểm tra, xác nhận lỗi hàng hóa (QC), thuộc phân xưởng 2. Vào khoảng đầu tháng 7/2021, do

cần tiền trả nợ và thấy việc quản lý các linh kiện điện thoại trong công ty có nhiều sơ hở nên T nảy sinh ý định trộm cắp, bán lấy tiền. Để thực hiện ý định trên, T rủ Nguyễn Tất B (là chủ nhiệm sản xuất tại phân xưởng 2 Công ty Srtech) cùng thực hiện trộm cắp màn hình điện thoại, cả hai thống nhất T sẽ mua màn hình hỏng đưa cho B để B đổi lấy màn hình mới của Công ty, đem ra ngoài đưa cho T, rồi bán lấy tiền chia nhau, B đồng ý. Sau đó, T rủ thêm Vũ Văn C, Trần Thị T1 (là nhân viên kiểm tra chất lượng hàng xuất xưởng của công ty) và Đỗ Minh T2 (là nhân viên kiểm tra chất lượng của công ty Sam Sung) cùng tham gia trộm cắp. Cả nhóm thống nhất T1, C và T2 sẽ lợi dụng lúc nhân viên bảo vệ không để ý khi kiểm tra hàng xuất xưởng tại cửa xưởng số 2, T sẽ để màn hình điện thoại vào Ti hoặc ba lô của T2, C hoặc T1 đeo trên người để mang ra ngoài công ty rồi đưa lại cho T để mang đi bán lấy tiền chia nhau. Sau khi thống nhất với T về việc trộm cắp tài sản, B rủ thêm Nguyễn Ngọc S (là tổ trưởng tổ sản xuất) và Nguyễn Thị Tuyết M (là chủ nhiệm sản xuất) tại xưởng số 2 cùng thực hiện hành vi trộm cắp. Tất cả đồng ý và đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty Srtech.

Từ ngày 10/7/2021 đến ngày 01/10/2021, Trần Anh T cùng với Nguyễn Tất B, Vũ Văn C, Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Thị T1, Đỗ Minh T2, Nguyễn Ngọc S trộm cắp màn hình điện thoại di động của công ty trách nhiệm hữu hạn Srtech, cụ thể: Trần Anh T trộm cắp 19 lần, tổng số 474 màn hình (mã A125, A505, A225, G986) và 06 khung xương điện thoại di động với tổng số tiền là 407.212.000 đồng; Nguyễn Tất B trộm cắp 19 lần, tổng số 474 màn hình (mã A125, A505, A225, G986) màn hình trị giá 405.070.000 đồng; Vũ Văn C trộm cắp 10 lần, tổng số 199 màn hình (mã A125, A505, A225) trị giá 134.127.000 đồng; Trần Thị T1 trộm cắp 05 lần, tổng số 150 màn hình (mã A125, A225, G986) trị giá 195.660.000 đồng; Nguyễn Thị Tuyết M tham gia trộm cắp 03 lần, tổng số 60 màn hình (mã G986) trị giá 141.540.000 đồng; Đỗ Minh T2 tham gia trộm cắp 03 lần, tổng số 75 màn hình (mã A225, A505) trị giá 46.833.000 đồng.

Trong đó bị cáo Nguyễn Ngọc S tham gia 01 lần vào ngày 30/8/2021, cụ thể như sau: Nguyễn Tất B rủ Nguyễn Ngọc S cùng trộm cắp, B bảo S lấy 60 màn hình mã A225 trong xưởng 2 để ở bàn làm việc của B. Sau đó, T đến lấy và đưa số màn hình trên cho Trần Thị T1 qua cửa xuất hàng của xưởng 2 mang ra khỏi công ty rồi T1 đưa lại cho Trần Anh T bán cho anh Phạm Thanh T3 được 45.000.000 đồng, T chia cho T1 10.000.000 đồng, chia cho B 19.000.000 đồng, B chia cho S 7.500.000 đồng.

Ngày 01/10/2021 Công ty trách nhiệm hữu hạn Srtech phát hiện tài sản bị mất, sau khi kiểm kê các tài sản bị mất đã có đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công giải quyết theo quy định pháp luật

Quá trình điều tra, ngày 09/10/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công tiến hành khám xét chỗ ở của Trần Anh T phát hiện, thu giữ 44 màn hình điện thoại di động có cùng đặc điểm, kích thước (15,6 x 07)cm tại gầm cầu thang ở tầng 1 đi lên tầng 2 của nhà T và niêm phong theo quy định.

Khám xét tử đồ của Nguyễn Tất B tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Srtech phát hiện, tạm giữ 20 màn hình điện thoại Sam Sung Galaxy A526B cũ, hỏng và ngày 09/10/2021, Trần Thị T1 giao nộp cơ quan điều tra 01 Ti ba lô màu nâu loại dây vải đeo phía sau dùng để sử dụng vào việc trộm cắp tài sản.

Ngày 09/10/2021, Phạm Thanh T3 là người đã mua màn hình điện thoại của T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 màn hình điện thoại di động SamSung Galaxy S20 (mã G986) do T trộm cắp bán cho anh T3, còn những màn hình điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung các loại mà T3 mua của T, T3 đã bán hết, không thu hồi được.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản đối với các tài sản trộm cắp trong vụ án. Tại bản kết luận định giá tài sản số 98/BB-HĐĐGTS ngày 14/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công kết luận: Giá trị 60 màn hình điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A22 (mã màn hình A225) tại thời điểm ngày 30/8/2021 là 34.140.000 đồng

Quá trình điều tra Trần Anh T, Nguyễn Tất B, Nguyễn Ngọc S, Vũ Văn C, Đỗ Minh T2, Trần Thị T1, Nguyễn Thị Tuyết M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện công ty TNHH Srtech (bị hại), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Srtech yêu cầu các bị cáo Trần Anh T cùng với Nguyễn Tất B, Vũ Văn C, Nguyễn Ngọc S, Đỗ Minh T2, Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Thị T1 phải liên đới bồi thường số tiền 2.017.969.456 đồng. Các bị cáo chưa bồi thường cho Công ty khoản nào.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HSST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2021 đến ngày 09/12/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải bồi thường cho Công ty TNHH Srtech số tiền 4.552.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác; trách nhiệm bồi thường; xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 29/8/2022, bị cáo Nguyễn Ngọc S kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Trong vụ án này bị cáo S tham gia trộm cắp tài sản một lần, vai trò của bị cáo là thấp nhất trong vụ án, số tiền được hưởng lợi không lớn, tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã nộp số tiền 3.500.000đ là tiền án phí sơ thẩm và tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc S gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm là khách quan, phù hợp với lời khai của của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

Lợi dụng sơ hở của Công ty trách nhiệm hữu hạn Srtech, địa chỉ tại tổ dân phố TD, phường BQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên nên từ ngày 10/7/2021 đến ngày 01/10/2021, Trần Anh T cùng với Nguyễn Tất B, Vũ Văn C, Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Thị T1, Đỗ Minh T2, Nguyễn Ngọc S trộm cắp màn hình điện thoại di động của công ty trách nhiệm hữu hạn Srtech, cụ thể: Trần Anh T trộm cắp 19 lần, tổng số 474 màn hình (mã A125, A505, A225, G986) và 06 khung xương điện thoại di động với tổng số tiền là 407.212.000 đồng; Nguyễn Tất B trộm cắp 19 lần, tổng số 474 màn hình (mã A125, A505, A225, G986) trị giá 405.070.000 đồng; Vũ Văn C trộm cắp 10 lần, tổng số 199 màn hình (mã A125, A505, A225) trị giá 134.127.000 đồng; Trần Thị T1 trộm cắp 05 lần, tổng số 150 màn hình (mã A125, A225, G986) trị giá 195.660.000 đồng; Nguyễn Thị Tuyết M tham gia trộm cắp 03 lần, tổng số 60 màn hình (mã G986) trị giá 141.540.000 đồng; Đỗ Minh T2 tham gia trộm cắp 03 lần, tổng số 75 màn hình (mã A225, A505) trị giá 46.833.000 đồng.

Trong vụ án này Nguyễn Ngọc S cùng với Trần Anh T và Trần Thị T1 tham gia trộm cắp 01 lần, tổng số 60 màn hình (mã A225) trị giá 34.140.000 đồng; Sau đó, T đem số màn hình điện thoại trộm cắp được đem bán cho Phạm Thanh T3 lấy tiền rồi chia nhau và chi tiêu cá nhân.

Với hành vi trên, bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. *Xét kháng cáo của bị cáo:*

Trong vụ án này bị cáo S tham gia trộm cắp tài sản một lần, vai trò của bị cáo là thấp nhất trong vụ án, tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã nộp số tiền 3.500.000đ là tiền án phí sơ thẩm và tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận

[4]. *Về án phí hình sự phúc thẩm:* Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc S, sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 50/2022/HSST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc S cho Ủy ban nhân dân phường ĐT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc S đã nộp số tiền 3.500.000 đồng là tiền án phí và tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm, Biên lai thu tiền số 0000937 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Nguyễn Ngọc S không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 50/2022/HSST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Sông Công;
- TAND TP Sông Công;
- Chi cục THADS TP Sông Công;
- Công an TP Sông Công;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn